

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 269/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

“V/v Ly hôn giữa chị M và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Hồ Hải Hương – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang* tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Lê Thị M, sinh năm 1981; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Đinh Trần Vũ C, sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 16/02/2024 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị M trình bày: Chị và anh C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, quận T, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 292 ngày 10/12/2004. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng anh chị ngày càng không hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Chị nhiều lần khuyên can nhưng anh C không sửa đổi mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung:

Có 02 con chung tên **Đình Lê Mỹ U**, sinh ngày: 14/10/2005 và **Đình Lê Bảo N**, sinh ngày: 20/02/2014. Ly hôn chị yêu cầu nuôi 01 con chung chưa trưởng thành là cháu **N**, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh **Đình Trần Vũ C** trình bày: Anh thống nhất với lời trình của chị **M** về thời gian kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị **M** ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con đã nhận thấy lỗi lầm. Ngoài ra, anh không có yêu cầu khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **M**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Chị **Lê Thị M** khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị **Lê Thị M** có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị **M1** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Đình Trần Vũ C** đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh **Đình Trần Vũ C** theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **M** chung sống với anh **C** từ năm 2004 và được được Ủy ban nhân dân thị trấn **T**, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 292 ngày 10/12/2004 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2023 chị **M**, anh **C** phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **C** không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa chị **M**, anh **C** đã lâu. Phía chị **M** cũng đã cho anh **C** nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được, tại phiên tòa hôm nay anh **C** vắng mặt không lí do. Điều đó cho thấy anh **C**

không có thiện chí hàn gắn và không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **C** là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **M** yêu cầu được nuôi cháu **N**, chị không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **M**, anh **C** đều có khả năng nuôi dạy con chung nhưng hiện nay cháu **N** đang sống với chị **M** được chị chăm sóc dạy dỗ và nguyện vọng của cháu **N** cũng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên cần để chị **M** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **N**. Về cấp dưỡng nuôi con phía chị **M** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi và anh **C** cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần để chị **M** chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Đình Lê Bảo N**, sinh ngày: 20/02/2014 và anh **C** chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị **M** chưa yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị **M**, anh **C** có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị **M**, anh **C** có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị M**.

Chị **Lê Thị M** được ly hôn với anh **Đình Trần Vũ C**.

2/ Về con chung:

Chị **Lê Thị M** được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên **Đình Lê Bảo N**, sinh ngày: 20/02/2014.

Anh **Đình Trần Vũ C** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Lê Thị M** chưa yêu cầu.

Anh **Đinh Trần Vũ C** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị **Lê Thị M** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013286 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị **M** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Đương sự;
- UBND TT Thốt Nốt, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ, AV;

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

